

**BẢNG KẾT QUẢ THI ANH VĂN THIẾU NHI
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC CAMBRIDGE (YLE)**

Kỳ thi ngày: **07/07/2018**

Buổi: **Sáng**

Cấp độ: **Movers**

Candidate number	First name	Last name	Date of birth	Reading & Writing	Listening	Speaking	Total
1	NGUYEN	HOANG MINH KHA	22/03/2008	4	5	4	13
2	TRUONG	DIEU HAN	11/06/2007	5	5	5	15
3	TRUONG	QUYNH HUONG	08/02/2007	4	2	3	9
4	DUONG	HONG THUY TRUC	31/08/2007	4	3	4	11
5	VO	DUY AN	25/11/2009	4	5	5	14
6	HO	CAT LAM ANH	09/01/2009	3	4	4	11
7	NGUYEN	TRAN THAI BAO	31/12/2009	2	1	1	4
8	NGUYEN	TAN DAT	20/04/2009	3	1	4	8
9	NGUYEN	NGAN HA	18/10/2009	3	4	5	12
10	HUYNH	GIA HUY	10/04/2009	2	2	3	7
11	PHAM	DANG KHOA	24/03/2009	3	4	5	12
12	DO	NGOC LINH	22/11/2009	3	3	4	10
13	TRUONG	NHAT NAM	17/03/2009	5	5	4	14
14	VO	CAO MINH NHAN	29/05/2009	3	4	5	12
15	PHAN	VU TUYET NHI	22/04/2009	3	1	3	7
16	HO	GIA PHAT	09/09/2009	2	1	1	4
17	HUYNH	PHAM UYEN PHUONG	15/09/2009	3	4	5	12
18	LE	HAN BAO TRAN	20/10/2009	3	4	4	11
19	HUYNH	TRI TRONG	18/09/2009	3	5	5	13
20	PHAM	KHANH TRUNG	09/01/2009	3	5	5	13
21	VUONG	DANG MAI VY	13/01/2009	3	3	2	8
22	TRAN	NHU QUYNH	26/06/2009	4	2	4	10
23	DOAN	PHAM ANH THU	09/02/2009	4	3	5	12
24	VO	NGOC CHAU NGAN	29/09/2009	4	2	5	11
25	DUONG	GIA HAN	31/10/2008	3	2	2	7
26	HUYNH	LE HIEU	19/09/2008	2	1	1	4
27	DOAN	HUY HOANG	25/11/2008	2	1	2	5
28	PHAM	HOANG	28/04/2008	2	1	4	7
29	NGUYEN	HOANG ANH KHOA	11/04/2008	3	2	5	10
30	PHAM	TAN TAI	08/11/2008	4	4	5	13
31	NGUYEN	HUU LINH TAM	15/03/2008	2	2	4	8
32	NGUYEN	HUU LINH TUAN	15/03/2008	3	1	4	8
33	LE	QUOC THANG	26/01/2008	2	1	1	4
34	LAM	QUOC TRUONG	21/05/2008	1	1	4	6
35	DUONG	PHAM PHUONG UYEN	16/03/2008	2	2	4	8
36	HO	TRAN ANH THY	13/09/2008	2	1	2	5
37	TRAN	THANH HAO	31/03/2007	2	4	5	11
38	NGUYEN	BAO NGHI	03/09/2008	5	5	5	15
39	PHAM	NGOC MAI CHI	14/03/2009	3	2	4	9
40	TRAN	KHANH HA	13/08/2009	5	5	5	15
41	NGUYEN	ANH KHOI	19/09/2009	2	1	5	8
42	VO	HUYNH NHAT MINH	06/07/2009	3	2	5	10
43	DANG	HOANG PHU MY	15/02/2009	4	4	5	13
44	VO	NGOC ANH NGAN	19/03/2009	5	4	4	13
45	LE	KIM BAO NGOC	29/05/2009	2	1	5	8
46	HUA	BAO NGUYEN	30/10/2009	3	5	5	13
47	TRAN	NGOC UYEN NHI	21/04/2009	3	2	5	10
48	TRAN	NGUYEN KIM NHU	21/01/2009	2	1	3	6

Candidate number	First name	Last name	Date of birth	Reading & Writing	Listening	Speaking	Total
49	TRUONG	HO PHAT	16/09/2009	5	4	4	13
50	LE	TRUNG SON	15/02/2009	1	3	4	8
51	VAN	THANH TAI	22/03/2009	2	2	4	8
52	HA	MINH TIEN	10/09/2009	3	4	5	12
53	PHAM	LE KIEU TRANG	21/05/2009	4	4	5	13
54	NGUYEN	QUOC TRIEU	03/07/2009	3	3	5	11
55	DOAN	QUYNH ANH	17/10/2008	4	3	4	11
56	PHAM	CONG NGUYEN BAO	12/10/2008	3	2	5	10
57	LY	TIEU BANG	06/02/2008	5	4	4	13
58	VU	KIM CHINH	10/07/2008	3	1	5	9
59	NGUYEN	PHUC KHANG	08/10/2008	3	2	4	9
60	NGUYEN	NGOC ANH LINH	22/09/2008	4	4	5	13
61	LE	NGOC THAO MY	03/01/2008	4	1	5	10
62	NGUYEN	PHAN BICH NGOC	01/07/2008	2	1	5	8
63	LE	VO KIM NGUYEN	28/05/2008	4	4	4	12
64	NGUYEN	THANH MY QUYEN	06/05/2008	4	2	5	11
65	NGUYEN	DUONG THANH TAI	17/03/2008	3	2	5	10
66	HUYNH	THUAN THONG	27/08/2008	5	4	5	14
67	HUYNH	MINH TRIET	26/07/2008	3	3	5	11
68	LUU	HOANG BAO VY	02/05/2008	4	4	5	13
69	LE	NGOC VY	26/05/2008	3	3	5	11
70	VO	TRAN KHANH AN	07/09/2009	2	1	3	6
71	NGUYEN	HO NHU ANH	26/10/2009	3	4	5	12
72	NGUYEN	CONG HIEP	29/10/2009	2	4	5	11
73	TRAN	CAO HUNG	04/08/2009	2	3	4	9
74	VU	THIEN HUONG	08/01/2009	3	4	4	11
75	LE	HUYNH ANH KHOA	21/03/2009	4	4	4	12
76	NGUYEN	HOANG KHANH NAM	22/07/2009	2	3	4	9
77	NGUYEN	HOANG NGHIA	21/02/2009	3	4	5	12
78	NGUYEN	BUI TUYET NHI	29/09/2009	2	3	5	10
79	NGUYEN	TOAN PHAT	25/05/2009	3	3	4	10
80	NGUYEN	BUI TUYET PHUONG	29/09/2009	3	4	4	11
81	CAO	KIM DANG QUANG	26/01/2009	3	4	4	11
82	DANG	KIM QUYEN	03/04/2009	4	4	5	13
83	NGUYEN	LE SON	01/05/2009	2	2	4	8
84	NGUYEN	NGOC ANH THU	22/11/2009	2	3	4	9
85	PHAM	HOAI THUONG	27/03/2009	5	4	4	13
86	NGUYEN	THI NHA TRAN	17/09/2009	4	4	5	13
87	DOAN	XUAN TRI	26/02/2009	4	3	5	12
88	BUI	XUAN BACH	12/11/2008	5	5	5	15
89	KIEU	DINH HIEU	25/11/2008	3	4	4	11
90	NGUYEN	QUYNH HUONG	05/06/2008	2	4	5	11
91	PHAM	LAM KHANG	19/01/2008	2	4	4	10
92	NGUYEN	HO TRUNG NGHIA	23/11/2008	3	2	5	10
93	BUI	NGUYEN TRI NGUYEN	14/05/2008	3	4	4	11
94	DUONG	QUYNH BAO NHU	08/08/2008	3	2	3	8
95	NGUYEN	DUY PHAT	02/12/2008	3	4	4	11
96	BUI	VU MINH QUAN	25/05/2008	3	5	5	13
97	NGUYEN	NGOC NHU QUYNH	26/05/2008	5	5	5	15
98	NGUYEN	DOAN TRAN TIEN	02/06/2008	4	3	5	12
99	DOAN	NGUYEN PHUONG THU	04/02/2008	5	5	5	15
100	DINH	NGUYEN PHUONG VY	07/10/2008	4	4	5	13
101	TRAN	THE VY	12/10/2008	3	3	5	11

Candidate number	First name	Last name	Date of birth	Reading & Writing	Listening	Speaking	Total
102	TRAN	LE KHIEM	15/10/2008	3	4	5	12
103	NGUYEN	THI KIM TRUC	20/05/2008	3	1	4	8
104	LUONG	HOANG PHUC	28/06/2008	4	1	4	9
105	NGUYEN	THI THAO NHI	22/07/2008	5	4	5	14
106	LE	THI THUY TRANG	09/06/2008	4	1	4	9
107	NGUYEN	TRAN HOANG TRAM	30/08/2008	3	1	5	9
108	CAO	TAN PHAT	09/02/2008	1	1	3	5
109	NGUYEN	THI THU CUC	31/10/2008	3	1	1	5
110	VO	NGUYEN QUYNH TRAM	13/06/2008	1	1	3	5
111	PHAM	THAI MINH DUY	25/02/2009	4	4	3	11
112	SU	HUYNH ANH	17/05/2009	5	5	5	15
113	NGUYEN	VO QUYNH NHU	08/10/2008	2	4	5	11
114	NGUYEN	PHUC QUY KHANG	26/04/2008	4	4	4	12
115	TRAN	LE VAN ANH	12/09/2008	4	4	5	13
116	DANG	LE NHU NGOC	27/11/2008	3	3	4	10
117	CHAU	MAN NHI	12/02/2008	3	3	4	10
120	TRAN	NHAT NGAN HA	21/03/2007	4	4	5	13
121	VO	THI KIEU VY	07/01/2007	3	3	4	10
122	DUONG	TON	04/01/2007	4	3	5	12
123	HUYNH	HUY LONG	30/06/2007	3	3	4	10
124	NGUYEN	MINH HAU	19/05/2007	3	5	5	13
125	PHAM	THE DUY	12/05/2007	3	2	4	9
126	NGUYEN	NHAN THIEN	06/11/2007	4	4	5	13
127	DINH	KIM TRUC LAM	21/09/2007	3	3	5	11
128	NGO	NGUYEN HOANG MY	25/11/2007	2	3	5	10
129	NGUYEN	LE KIM HAN	14/12/2007	3	3	5	11
130	PHAM	PHAN TRUNG THONG	27/07/2007	5	5	5	15
131	NGUYEN	XUAN THINH	19/02/2007	3	3	5	11
132	TRAN	GIA KHIEM	26/05/2007	3	3	5	11
133	DO	HONG NGOC	04/03/2007	4	4	4	12
134	NGUYEN	THI NGOC NHI	29/01/2007	4	5	5	14
135	LE	NGUYEN HAI DANG	04/02/2007	5	4	5	14
136	PHAM	TRAN TUAN NGUYEN	10/03/2006	5	4	5	14
137	NGUYEN	HUYNH PHUONG ANH	10/01/2007	3	2	4	9
138	NGUYEN	NGOC HIEU	10/02/2007	4	2	5	11
139	NGUYEN	KHAI HOAN TRIEU	14/09/2007	4	4	5	13
140	PHAM	ANH THU	24/05/2007	2	2	2	6
141	VO	QUANG DINH	22/01/2007	3	1	5	9
142	TRAN	KHANH DOAN	19/01/2007	2	3	4	9
143	DUONG	HOAI NHAN	19/05/2007	2	2	5	9
144	NGUYEN	QUOC DAN AN	26/06/2009	5	3	5	13
145	NGUYEN	NGOC THAO VY	29/07/2009	3	2	4	9
146	PHAM	QUYNH TRAM	23/05/2008	5	3	4	12
147	DUONG	THANH PHAT	22/09/2008	4	5	5	14
148	BUI	MINH KHOI	24/05/2008	5	3	5	13
149	DANG	THI MY LINH	05/01/2008	3	2	2	7
150	LE	KHANH HA	26/04/2008	3	3	4	10
151	NGUYEN	THAI THUY LINH	02/08/2008	3	2	2	7
152	NGUYEN	NGOC NHIEN	13/08/2007	3	3	1	7
153	LE	NGUYEN KHANH BANG	12/05/2008	3	4	4	11
154	DOAN	NGOC BAO TRAM	30/07/2008	4	4	5	13
155	TRAN	HOANG NAM	06/12/2008	4	4	3	11
156	DINH	NGUYEN HOANG GIA KHANH	30/09/2007	4	2	3	9

Candidate number	First name	Last name	Date of birth	Reading & Writing	Listening	Speaking	Total
157	VI	LE BAO TRAM	11/09/2007	4	4	5	13
158	NGUYEN	VO YEN NHI	19/06/2007	5	3	4	12
159	NGUYEN	VIET HUY	18/11/2007	4	4	5	13
160	HUYNH	DANG ANH THU	16/12/2007	3	3	4	10
161	TRAN	NGUYEN UYEN THU	29/04/2007	5	4	5	14
162	NGUYEN	THI KIM TUYEN	30/01/2007	2	1	3	6
163	NGUYEN	PHUONG KHANH	21/04/2009	5	4	5	14
164	BUI	NGUYEN XUAN HUAN	29/05/2009	3	2	3	8
165	TRUONG	NGUYEN BAO NHU	11/11/2009	3	1	4	8
166	HUYNH	BAO NGOC HAN	09/02/2009	3	2	5	10
167	CU	KHANH AN	15/10/2009	3	1	4	8
168	HUYNH	NGUYEN KHANH NHU	15/04/2009	4	4	5	13
169	LE	DUK TAI	09/11/2009	3	1	5	9
170	TRAN	NGOC NHA QUYEN	17/04/2009	3	3	4	10
171	NGUYEN	TRA MY	04/12/2009	2	1	1	4
172	NGUYEN	PHAM QUOC TRUNG	19/02/2009	2	2	4	8
173	LE	HUYNH THIEN HUONG	15/08/2008	4	1	5	10
174	DANG	HO MY DUYN	08/09/2008	3	1	1	5
175	DANG	THI THU THAO	25/02/2008	4	2	5	11
176	NGUYEN	HOANG GIA PHUC	12/06/2008	2	2	5	9
177	VU	LE TUONG VY	28/11/2008	4	3	5	12
178	TRUONG	NGUYEN HIEU DI	02/11/2008	5	4	5	14
179	NGUYEN	ANH NGHIA	02/11/2007	3	2	3	8
180	CU	KHOI	21/05/2007	3	3	5	11
181	LE	NGUYEN THIEN KIM	06/03/2007	5	4	5	14
182	NGUYEN	HUYNH KIM NGAN	04/10/2007	4	2	4	10
183	CHAU	NGOC BAO NHU	14/12/2007	3	2	3	8
184	BUI	THI DIEM HANG	12/02/2007	5	4	5	14
185	LE	NGUYEN PHUONG NHI	17/06/2007	2	1	3	6
186	TRAN	CHAU MINH PHUC	21/07/2007	3	1	4	8
187	HO	TUNG BACH	15/06/2007	3	2	4	9
188	NGUYEN	TRAN ANH THU	09/04/2007	3	2	4	9
189	LE	NGOC PHUONG THI	08/01/2008	1	1	4	6
190	NGUYEN	PHUC THINH	23/03/2007	3	1	2	6
191	LUU	TUC PHUC	11/10/2007	2	2	3	7
192	LE	NGUYEN MINH THU	20/05/2007	3	2	3	8
193	NGUYEN	NGOC THUAN THIEN	16/01/2007	2	1	4	7
194	NGUYEN	LE NGOC NHI	18/06/2007	3	2	4	9
195	HUYNH	HONG HANH	07/01/2007	3	1	2	6
196	DOAN	KIM CHAU	07/10/2008	4	4	4	12
197	LE	NGUYEN GIA LINH	13/01/2008	2	1	3	6
198	TRAN	THANH TOAN	25/10/2008	3	2	5	10
199	HO	CAM DAO	01/05/2007	2	1	4	7